

Bản án số: 35/2018/DS-ST
Ngày 05.11.2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng
Tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy**

Hội thẩm nhân dân: - Ông **Phạm Xoa**

- Ông **Huỳnh Thanh Trà**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Tuyết Nhung** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Nhã Minh Hoàng** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2018/TLST-DS ngày 22.3.2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37a/2018/QĐST-DS ngày 24.9.2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-DS ngày 17.10.2018 giữa:

*** *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP K**

Địa chỉ trụ sở: 191 phố B, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên lạc: Tầng 3, 136 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Thị Thanh B**, sinh năm: 1988, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng 3, 136 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Theo văn bản ủy quyền số 094/2018/UQ-TCB ngày 31.01.2018)(Có mặt).

*** *Bị đơn*: - Bà Trần Thị Tuyết Á, sinh năm 1974**

Địa chỉ: Tổ 22B (cũ), tổ 30 (mới), phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

- Ông **Lương Hoàng Anh T**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 14 (cũ) tổ 30 (mới), phường đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

*** *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:**

- Ông **Trần Văn R**. Địa chỉ: 446 đường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: 131 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn-bà Trần Thị Thanh B trình bày:*

Vào ngày 13.5.2015, Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Đà Nẵng (Sau đây gọi tắt là T) và bà Trần Thị Tuyết Á và ông Lương Hoàng Anh T (Sau đây gọi tắt là bà Á, ông T) đã ký kết một hợp đồng tín dụng số CHN20150186/HĐTD, Khế ước nhận nợ số CHN20150186 ngày 14.5.2015, theo đó bà Á và ông T vay vốn của T với tổng số tiền là 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng); Mục đích vay: mua xe ô tô; Thời hạn vay là 84 tháng; Ngày nhận nợ là 14.5.2015, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 24.5.2022; Lãi suất thả nổi: Lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận nợ là 8,99%/năm, thời gian tiếp theo mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần vào các ngày 15 hàng tháng và bằng lãi suất cơ sở vay mua ô tô mới dài hạn (+) Biên độ 3,60%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được Techcombank quy định theo từng thời kỳ tương ứng với từng đối tượng khách hàng. Nợ gốc trả trong vòng 84 kỳ mỗi tháng một lần vào các ngày 14 hàng tháng, số tiền mỗi kỳ phải trả là 5.714.000 đồng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là vào ngày 14.6.2015.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ngày 14.5.2015 bà Trần Thị Tuyết Á và ông Lương Hoàng Anh T đã ký hợp đồng thế chấp số CHN20150186/HĐTC với T đồng ý dùng tài sản của mình là xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu KIA K3, BKS: 43A-152.60, số khung: 41A6FC057705, số máy: G4FGES796903. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009630 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13.5.2015 cho bà Trần Thị Tuyết Á. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 14.5.2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Á và ông T đã trả được số tiền gốc và lãi cho T là 126.131.127 đồng. Từ ngày 15.7.2016 bà Á và ông T không trả mặc dù ngân hàng T đã nhiều lần nhắc nhở. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn T yêu cầu Tòa án buộc bà Á và ông T phải trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính từ ngày 15.7.2016 đến ngày xét xử sơ thẩm – ngày 05.11.2018 là 556.143.396 đồng (Năm trăm năm mươi sáu triệu một trăm bốn mươi ba ngàn ba trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó, nợ gốc là 405.718.000 đồng và nợ lãi là 150.425.396 đồng. Đồng thời đề nghị bà Á và ông T tiếp tục trả lãi kể từ ngày 06.11.2018 cho đến khi bà Á và ông T thanh toán hết nợ cho T theo mức lãi suất mà các bên đã ký kết theo khế ước nhận nợ.

Trong trường hợp bà Á và ông T không trả được nợ thì đề nghị tòa án xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu KIA K3, BKS: 43A-152.60, số khung: 41A6FC057705, số máy: G4FGES796903. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009630 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13.5.2015 cho bà Trần Thị Tuyết Á theo quy định của pháp luật về ngân hàng thu hồi nợ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương cũng như xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh - Tổng cục an ninh được biết bà Á và ông T đã xuất cảnh ngày 18.10.2015 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Đà Nẵng hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Với nội dung vụ án như trên tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 83/2017/QĐST-DS ngày 09.6.2017 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã áp dụng Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết vụ án vì cho rằng bị đơn đã xuất cảnh đi nước ngoài nhưng nguyên đơn

không cung cấp được nơi cư trú mới của bị đơn là thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 23.6.2017, nguyên đơn Ngân hàng TMCP K kháng cáo cho rằng: Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng không đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 43A/2017/QĐ-PT ngày 11.8.2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã căn cứ Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 83/2017/QĐST-DS ngày 06.6.2017 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Hải Châu để tiếp tục giải quyết vụ án.

Thụ lý lại vụ án theo Quyết định phúc thẩm số 43A/2017/QĐ-PT ngày 11.8.2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân quận Hải Châu tiếp tục xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh - Tổng cục an ninh về thông tin xuất nhập cảnh của bà Á và ông T. Vào ngày 21.11.2017 Cục quản lý xuất nhập cảnh - Tổng cục an ninh có công văn số 3262/CV-QLXNC có nội dung bà Á và ông T đã xuất cảnh ngày 18.10.2015 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Đà Nẵng hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Tòa án nhân dân quận Hải Châu căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 41 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định chuyển hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự theo Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 180/2017/QĐST-DS ngày 30.11.2017.

Ngày 01.02.2018 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 41 điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05.5.2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ban hành Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 06/2018/QĐST-DS cho Tòa án nhân dân quận Hải Châu để giải quyết theo thẩm quyền vì trường hợp này được coi là bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án nhân dân quận Hải Châu thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp mà không xem là vụ án có yếu tố nước ngoài để chuyển thẩm quyền cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Sau khi thụ lý lại theo Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 06/2018/QĐST-DS của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã triệu tập họp lệ đến Tòa nhiều lần đối với bị đơn là bà Á và ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn R để lấy lời khai và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên những người này đều không có mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Techcombank đối với bị đơn bà Á và ông T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” buộc bà Á và ông T phải thanh toán cho T số

tiền phải trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi là 556.143.396 đồng (Năm trăm năm mươi sáu triệu một trăm bốn mươi ba ngàn ba trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó, nợ gốc là 405.718.000 đồng và nợ lãi là 150.425.396 đồng lãi tạm tính đến ngày 05.11.2018. Tài sản đảm bảo là xe ô tô 05 chỗ nhãn hiệu KIAK3; BKS: 43A-152.60 do và Trần Thị Tuyết Á sở hữu được xử lý căn cứ vào điều 299, 323 Bộ luật dân sự 2015.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa lần thứ hai hôm nay, bị đơn là bà Trần Thị Tuyết Á, ông Lương Hoàng Anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn R đều vắng mặt và không có lý do. Do đó HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K (T), Hội đồng xét xử thấy: Vào ngày 13.5.2015, T và bà Á, ông T đã ký kết một hợp đồng tín dụng số CHN20150186/HĐTD, Khế ước nhận nợ số CHN20150186 ngày 14.5.2015, theo đó bà Á và ông T vay vốn của T với tổng số tiền là 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng); Mục đích vay: mua xe ô tô; Thời hạn vay là 84 tháng; Ngày nhận nợ là 14.5.2015, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 24.5.2022; Lãi suất thả nổi: Lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận nợ là 8,99%/năm, thời gian tiếp theo mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần vào các ngày 15 hàng tháng và bằng lãi suất cơ sở vay mua ô tô mới dài hạn (+) Biên độ 3,60%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được T quy định theo từng thời kỳ tương ứng với từng đối tượng khách hàng. Nợ gốc trả trong vòng 84 kỳ mỗi tháng một lần vào các ngày 14 hàng tháng, số tiền mỗi kỳ phải trả là 5.714.000 đồng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là vào ngày 14.6.2015. Để đảm bảo cho khoản vay trên ngày 14.5.2015 bà Á và ông T đã ký hợp đồng thế chấp số CHN20150186/HĐTC với T đồng ý dùng tài sản của mình là xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu KIA K3, BKS: 43A-152.60, số khung: 41A6FC057705, số máy: G4FGES796903. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009630 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13.5.2015 cho bà Trần Thị Tuyết Á. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 14.5.2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Á và ông T đã trả được số tiền gốc và lãi cho T là 126.131.127 đồng. Từ ngày 15.7.2016 bà Á và ông T không tiếp tục trả mặc dù ngân hàng T đã nhiều lần nhắc nhở. Dư nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 05.11.2018 là 556.143.396 đồng (Năm trăm năm mươi sáu triệu một trăm bốn mươi ba ngàn ba trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó, nợ gốc là 405.718.000 đồng và nợ lãi là 150.425.396 đồng. Như vậy bà Á và ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng qui định tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T, buộc bà Á và ông T phải trả cho Ngân hàng T tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 05.11.2018 là 556.143.396 đồng (Năm trăm năm mươi sáu triệu một trăm bốn mươi ba ngàn ba trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó, nợ gốc là 405.718.000 đồng và nợ lãi là 150.425.396 đồng. Lãi suất được tiếp tục tính từ ngày 06.11.2018 theo án lệ số 08 là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 466 của Bộ luật dân sự. Trường hợp bà Á và ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu KIA K3, BKS: 43A-152.60, số khung: 41A6FC057705, số máy: G4FGES796903. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009630 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13.5.2015 cho bà Trần Thị Tuyết Á sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để ngân hàng thu hồi nợ.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy quan điểm phát biểu về nội dung giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền còn phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng

- Áp dụng các Điều 463, 466, 299, 323 và 355 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam đối với bà Trần Thị Tuyết Á và ông Lương Hoàng Anh T.

Xử:

1. Buộc bà Trần Thị Tuyết Á và ông Lương Hoàng Anh T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K tổng số tiền 556.143.396 đồng (Năm trăm năm mươi sáu triệu một trăm bốn mươi ba ngàn ba trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó, nợ gốc là 405.718.000 đồng và nợ lãi là 150.425.396 đồng. (lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 05.11.2018).

2. Kể từ ngày 06.11.2018 khách hàng vay là bà Trần Thị Tuyết Á và ông Lương Hoàng Anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số CHN20150186/HĐTD ngày 13.5.2015, Khế ước nhận nợ số CHN20150186 ngày 14.5.2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của

Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trong trường hợp bà Trần Thị Tuyết Á và ông Lương Hoàng Anh T không trả được nợ thì tài sản thế chấp là xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu KIA K3, BKS: 43A-152.60, số khung: 41A6FC057705, số máy: G4FGES796903. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009630 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13.5.2015 cho bà Trần Thị Tuyết Á sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

4. Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị Tuyết Á và ông Lương Hoàng Anh T phải chịu: 26.245.735 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm ba mươi lăm đồng). Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng TMCP K đã nộp là: 10.114.360 đồng (Mười triệu một trăm mười bốn ngàn ba trăm sáu mươi đồng) theo biên lai thu số 0005812 ngày 13.3.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát Q. Hải Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Hải Châu
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Thủy

